

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lã Thị Nhung và ông Nhữ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nhữ Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn A, xã TH, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lê Huy H1, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn A, xã TH, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành án tại trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Nhữ Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn A, xã TH, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn A, xã TH, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nhữ Thị H trình bày:

Chị Nhữ Thị H và anh Lê Huy H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính tình, anh H1 lại hay uống rượu, xúc phạm chị. Năm 2016, chị đã làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau đó quan hệ vợ chồng vẫn mâu thuẫn thường xuyên. Chị đi lao động ở Nhật Bản thì vợ chồng vẫn cãi nhau qua điện thoại. Ngoài ra, anh H1 cũng không tôn trọng gia đình bố mẹ đẻ của chị. Tháng 01/2021, anh H1 đã phạm tội cố ý gây thương tích, bị Tòa án xử phạt tù, phải chấp hành án ở Trại giam. Đầu tháng 6/2022, chị hết thời hạn lao động tại Nhật Bản, về nước cư trú và sinh sống. Chị xác định vợ chồng chị mâu thuẫn đã nhiều năm, vợ chồng không liên lạc với nhau từ tháng 10/2018, tình cảm vợ chồng đến nay không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H1.

Chị và anh Lê Huy H1 có 2 con chung là cháu Lê Hồng Gia G, sinh ngày 10/10/2015, cháu Lê Kim A, sinh ngày 12/12/2013. Do anh H1 đang chấp hành án tại Trại giam, không thể nuôi con, nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Huy H1 khai:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nhữ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không có chính kiến, không phân biệt được đúng sai, hay bị tác động bởi suy nghĩ của bố mẹ đẻ. Năm 2015, chị H đã khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng Tòa án hòa giải nên chị rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng vẫn mâu thuẫn, kể cả khi chị H đi lao động ở nước ngoài.

Đến nay, chị H yêu cầu ly hôn, anh xác định đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu thuẫn, nhưng chị H vẫn xác định tình cảm không còn, thì anh cũng chấp nhận ly hôn.

Về con chung: anh và chị H có 2 con chung như chị H khai. Từ nhỏ đến nay, các con đều sống với anh và anh chăm sóc, đặc biệt trong thời gian chị H đi nước ngoài. Chị H không quan tâm đến con cái, nên anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh nhờ bố mẹ đẻ của anh chăm sóc trong thời gian anh chấp hành án.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tòa án xác minh tại nơi cư trú của anh H1, chính quyền địa phương cung cấp: Việc anh H1, chị H có mâu thuẫn là sự thật và vợ chồng đã ly thân nhau.

Người làm chứng là bà Đỗ Thị L, mẹ đẻ của chị H khai: chị H và anh H1 mâu thuẫn nhau thường xuyên, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải. Hiện tại, chị H đang sống tại gia đình bà L cùng con chung của anh chị là cháu Lê Hồng Gia G, còn cháu Lê Kim A thì đang sống cùng bố mẹ đẻ của anh H1. Trường hợp Tòa án hòa giải cho anh chị không thành, vẫn phải giải quyết cho anh chị ly hôn và giao con cho chị H nuôi dưỡng, thì bà sẽ giúp đỡ chị H trong việc nuôi dưỡng các con.

Người làm chứng là bà Nhữ Thị H, mẹ đẻ của anh H1 trình bày: Chị H và anh H1 trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, đã vài lần chị H viết đơn yêu cầu ly hôn, tuy nhiên được Tòa án và gia đình hòa giải nên tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, anh chị không giải quyết được mâu thuẫn. Trong thời gian chị H đi lao động ở Nhật Bản, thời gian 01 năm đầu chị có quan tâm đến anh H1, nhưng sau đó chị không quan tâm gì nữa. Trong trường hợp Tòa án hòa giải không thành, mà giải quyết cho anh chị ly hôn và giao con cho anh H1 nuôi dưỡng, thì gia đình bà H sẽ giúp đỡ anh H1 nuôi dưỡng các con chung của anh chị.

Con chung đủ 7 tuổi của anh H1 và chị H là cháu Lê Kim A có nguyện vọng được anh H1 nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị H và anh Lê Huy H1 ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

- Về án phí: Chị Nhữ Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu ly hôn của chị Nhữ Thị H:

Chị Nhữ Thị H và anh Lê Huy H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TH, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm. Từ năm 2016, chị H đi lao động ở Nhật Bản, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải và động viên, và cũng đã một lần được Tòa án hòa giải đoàn tụ, nhưng anh chị vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn. Đến nay, chị H yêu cầu ly hôn, anh H1 xác định không thể khắc phục được mâu thuẫn nên nhất trí ly hôn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị H được ly hôn.

[2] **Về con chung:** Chị H và anh H1 có 2 con chung là Lê Kim A và Lê Hồng Gia G. Hiện tại, do anh H1 đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không có khả năng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi được chăm sóc của con chung. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên cần chấp nhận.

[3] **Về tài sản chung:** Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết .

[4]. **Về án phí:** Chị H là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị H ly hôn anh Lê Huy H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nhữ Thị H trực tiếp nuôi các con chung là Lê Hồng Gia G, sinh ngày 10/10/2015 và Lê Kim A, sinh ngày 12/12/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nhữ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003906 ngày 30/6/2022. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Cường